

Bản án số: 26/2025/DS-ST

Ngày 16-6-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê và bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Công Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Triệu Chung Thắng – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH MTV Q;

Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh K, phường Võ Thị S, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Narita C - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người được ủy quyền: Ông Tạ Thanh H. (Có mặt)

Địa chỉ: 978 Hùng V, tổ dân phố Q, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thu T. (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Thôn Tân H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tạ Thanh H trình bày: Vào ngày 15/3/2023, bà Lê Thị Thu T có ký hợp đồng tín dụng số 930420003971137000 với Công ty tài chính TNHH Một thành viên Q. Bà T vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng. Số tiền bà T vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 28,08%/năm, thời hạn vay 36 tháng.

Thực hiện hợp đồng Công ty tài chính TNHH Một thành viên Q đã giải ngân số tiền trên theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và bà T đã nhận toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) từ Công ty.

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì bà T có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí trong vòng 36 tháng, mỗi tháng bà T phải thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên Q số tiền 4.152.682 đồng vào trước hoặc đúng 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12/4/2023.

Từ ngày 14/4/2023 đến ngày 24/3/2024, bà T thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên Q được số tiền là 49.871.095 đồng, trong đó: Nợ gốc 24.962.623 đồng, Lãi trong hạn 24.725.561 đồng; Lãi quá hạn 38.911 đồng; Phí 144.000 đồng).

Từ ngày 24/3/2024 đến nay, bà T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên Q và cố tình lẩn tránh, không hợp tác trả nợ.

Việc bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty tài chính TNHH Một thành viên Q. (Căn cứ Điều 3; Điều 7; Điều 8; Điều 11 Hợp đồng dụng số 930420003971137000 ngày 15/3/2023 và các quy định khác của luật).

Nay Công ty tài chính TNHH Một thành viên Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Lê Thị Thu T phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên Q, tổng số tiền tính đến hết ngày 16/6/2025 là 106.024.966 đồng, trong đó: Nợ gốc 75.037.377 đồng; Lãi trong hạn 23.807.519 đồng; Lãi quá hạn 7.024.070 đồng; Phí 156.000 đồng).

Buộc bà Lê Thị Thu T phải tiếp tục thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên Q số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí từ ngày 17/6/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng dụng số 930420003971137000 ngày 15/3/2023 đã ký kết giữa các bên.

Về thời hạn và phương thức trả nợ: Theo trình tự thủ tục Thi hành án dân sự.

Về án phí: Nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, bị đơn bà Lê Thị Thu T vắng mặt.*

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện cho nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng các quy định tại Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do đó căn cứ khoản 1 Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai của đương sự và Hợp đồng tín dụng số 930420003971137000 với Công ty tài chính TNHH Một thành viên Q đã ký kết với bà Lê Thị Thu T và giao dịch chuyển tiền cho vay của Công ty tài chính TNHH Một thành viên Q vào số tài khoản 6330000015 mang tên Lê Thị Thu T vào ngày 16/03/2023 tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh B - Phòng giao dịch K, đã có đủ căn cứ khẳng định: Vào ngày 16/03/2023 bà Lê Thị Thu T có vay của Công ty tài chính TNHH Một thành viên Q số tiền gốc 100.000.000 đồng. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng bà Lê Thị Thu T mới trả cho nguyên đơn được số tiền là nợ gốc 24.962.623 đồng, Lãi trong hạn 24.725.561 đồng; Lãi quá hạn 38.911 đồng; Phí 144.000 đồng. Như vậy, bà Lê Thị Thu T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Thu T phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn 16/6/2025 là 106.024.966 đồng, trong đó: Nợ gốc 75.037.377 đồng; Lãi trong hạn 23.807.519 đồng; Lãi quá hạn 7.024.070 đồng; Phí 156.000 đồng là phù hợp khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngoài số tiền trên bà Lê Thị Thu T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/6/2025 cho đến khi bà Lê Thị T thi hành án xong, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 930420003971137000 ngày 15/3/2023.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH MTV Q.

Buộc bà Lê Thị Thu T phải trả nợ cho Công ty tài chính TNHH MTV Q tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 106.024.966 đồng, trong đó: Nợ gốc 75.037.377 đồng; Lãi trong hạn 23.807.519 đồng; Lãi quá hạn 7.024.070 đồng; Phí 156.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/6/2025) cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Thu T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 930420003971137000 ngày 15/03/2023.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bà Lê Thị Thu T phải nộp 5.301.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Công ty tài chính TNHH MTV Q số tiền 2.212.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 60AA/2023/0011910 ngày 08/11/2024.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS H. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn